

Bản án số: 156/2024/DSST
Ngày: 26/7/2024
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Nguyệt Mai

3/ Ông Lâm Văn Vô

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận N.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng
Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2024/QĐXXT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (Ngân hàng A)

Trụ sở: Số 442 đường K, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là Lê Thanh H, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm
thể (theo Giấy ủy quyền số 1075/2020/GUQ-PL ngày 22/6/2020)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Đào Văn Q (theo Giấy ủy
quyền số 1144/2023/UQ-TTT ngày 01/8/2023) (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Ngô Quốc D, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 584/3E Lầu 3, đường Đ, Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án ông Đào Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng A) trình bày:

Ngày 26/05/2020 và ngày 22/04/2021 Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi
tắt là Ngân hàng Ngân hàng A) và ông Ngô Quốc D có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín
dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều
kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Ngô
Quốc D ngân hàng đã cấp 2 thẻ tín dụng như sau:

- Thẻ thứ nhất là thẻ Express Card số thẻ 9704 1631 0108 4883 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 25%/năm (áp dụng từ lúc mở thẻ đến trước ngày 27/5/2020), lãi suất trong hạn là 25%/năm (áp dụng từ sau ngày 27/05/2020 đến nay). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Thẻ thứ hai là thẻ Visa Gold số thẻ 4791 3925 5091 9332 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 29%/năm ; (áp dụng từ lúc mở thẻ đến trước ngày 22/4/2021), lãi suất trong hạn 29%/năm (áp dụng từ sau ngày 22/04/2021 đến nay). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 90.641.319 đồng (trong đó loại thẻ Express Card là 67.287.018 đồng, thẻ visa Gold là 23.354.301 đồng). Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo điều 9 của bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Do ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 11/10/2022, Ngân hàng A đã chuyển khoản hai thẻ tín dụng sang nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng A quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ thẻ chưa thanh toán. Tính đến ngày 26/7/2024, ông Ngô Quốc D còn nợ Ngân hàng Ngân hàng A các khoản sau:

STT	Số thẻ	Vốn gốc	Lãi quá hạn	Tổng cộng
1	9704 1631 0108 4883	106.197.949	62.767.240	170.534.328
2	4791 3925 5091 9332	56.874.251	42.723.007	99.597.258
Tổng cộng		163.072.200	107.059.386	270.131.586

Ngân hàng yêu cầu ông D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2024 tổng cộng là 270.131.586 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 163.072.200 đồng, lãi quá hạn 107.059.386 đồng. ông D còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Ngô Quốc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Ngô Quốc D phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/7/2024 là 270.131.586 đồng, trong đó nợ gốc là 163.072.200 đồng, lãi quá hạn 107.059.386 đồng. Ngoài ra, ông D còn có trách nhiệm thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 27/7/2024 cho đến khi ông D trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật và các điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do bị đơn ông Ngô Quốc D có địa chỉ nơi cư trú tại Quận N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông Ngô Quốc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét ông Ngô Quốc D đã ký hai Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Ngân hàng A cụ thể gồm:

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 26/5/2020: loại thẻ Express Card, số thẻ 9704 1631 0108 4883 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 25%/năm.

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 22/4/2021: loại thẻ Visa Gold, số thẻ 4791 3925 5091 9332 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 29%/năm;

Theo Bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng Ngân hàng A nộp cho Tòa án, Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng Ngân hàng A đã giải ngân cho ông D từ ngày 24/6/2020 và ngày 24/4/2021. Số tiền ông D đã thanh toán là ông D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 90.641.319 đồng (trong đó loại thẻ Express Card là 67.287.018 đồng, thẻ visa Gold là 23.354.301 đồng). Khoản tiền trên được thanh toán cho các khoản nợ gốc và lãi trong hạn theo điều 9 của bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh ông D đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng nêu trên, ông D đã thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, ông D hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 163.072.200 đồng.

Căn cứ vào các Thư đề nghị trả nợ ngày 02/12/2022, thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ ngày 31/5/2023, do ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 11/10/2022, Ngân hàng Ngân hàng A đã chuyển hoàn hai thẻ tín dụng sang nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng Ngân hàng A quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ thẻ chưa thanh toán

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Ngô Quốc D trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về lãi suất: Căn cứ Quy định biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do Ngân hàng A phát hành số 343/NVQĐ-TTT.20 ngày 28/9/2020, Công văn số 2169/CV-TTT.17 ngày 31/5/2017 và Công văn số 374/NVCV-TTT.17 ngày 09/6/2017 cập nhật Biểu phí, lãi suất của các loại thẻ Ngân hàng A phát hành áp dụng đối với thẻ tín dụng Visa là 29%/năm, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ áp dụng lãi suất cho hợp đồng tín dụng đối với ông D là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 10 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Ngân hàng A thì “*Ngay sau ngày đến hạn thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì Ngân hàng A sẽ chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo lãi suất do Ngân hàng A quy định phù hợp với quy định của pháp luật từng thời điểm và cập nhật trên website của Ngân hàng A*”. Và khoản 3 Điều 10 quy định: “*Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng A có quyền chấp dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng A để thu hồi nợ (bao gồm: số dư nợ, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác)*”.

Căn cứ bản Tóm tắt sao kê ngày 26/7/2024 của Ngân hàng Ngân hàng A cung cấp cho thấy ngày 11/10/2022 Ngân hàng Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với :

- Thẻ Express Card (số thẻ 9704 1631 0108 4883) với dư nợ tại thời điểm này là 107.697.970 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn là 25%/năm). Như vậy, lãi quá hạn của ông D được Ngân hàng Ngân hàng A tính $150\% \times 25\%/năm = 37,5\%/năm$, tính từ ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 11/10/2022 đến nay, số tiền là 62.767.240 đồng.

- Thẻ Visa Gold (số thẻ 4791 3925 5091 9332) với dư nợ tại thời điểm này là 56.874.251 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn là 29%/năm). Như vậy, lãi quá hạn của ông D được Ngân hàng Ngân hàng A tính $150\% \times 29\%/năm = 43,5\%/năm$, tính từ ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 11/10/2022 đến nay, số tiền là 42.723.007 đồng.

Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông D trả số nợ lãi quá hạn đối với số thẻ 9704 1631 0108 4883 là 62.767.240 đồng và đối với số thẻ 4791 3925 5091 9332 là 42.723.007 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông D đến tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng ông D không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà Ngân hàng A yêu cầu được xem là ông D đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng A với số nợ gốc, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng Ngân hàng A yêu cầu ông D phải trả.

[3.4] Từ các nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng A buộc ông Ngô Quốc D có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng Ngân hàng A, gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 270.131.586 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu một trăm ba mươi một ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng) cụ thể khoản nợ:

- Đối với thẻ Express Card, số thẻ 9704 1631 0108 4883 số tiền là 170.534.328 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 106.197.949 đồng, nợ lãi quá hạn là 62.767.240 đồng.

- Đối với thẻ Visa Gold, số thẻ 4791 3925 5091 9332 số tiền là 99.597.258 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 56.874.251 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.723.007 đồng.

ông D còn nghĩa vụ thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Ngô Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều u 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều u 266; Điều u 271; Điều u 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng A).

Buộc ông Ngô Quốc D phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ của thẻ tín dụng cụ thể là :

- Thẻ Express Card, số thẻ 9704 1631 0108 4883 số tiền là 170.534.328 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 106.197.949 đồng, nợ lãi quá hạn là 62.767.240 đồng.

- Thẻ Visa Gold, số thẻ 4791 3925 5091 9332 số tiền là 99.597.258 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 56.874.251 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.723.007 đồng.

Tổng cộng ông Ngô Quốc D phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần A (Ngân hàng A) tạm tính đến ngày 26/7/2024 tổng số tiền là 270.131.586 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu một trăm ba mươi một nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 163.072.200 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng), nợ lãi quá hạn là 107.059.386 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm năm mươi chín nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 26/5/2020 và 22/04/2021.

Ông Ngô Quốc D còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ, Bản các điều

khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A kể từ ngày 27/07/2024 đến khi trả dứt nợ.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Ngô Quốc D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.506.579 đồng (Mười ba triệu năm trăm lẻ sáu nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A (Ngân hàng A) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.989.042 đồng (Bốn triệu chín trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0010974 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.N;
- Chi cục THADS Q.N;
- Đường sự
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Trang

